TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P M** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày: 02-6-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P M, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.

Nghề nghiệp: Nguyên Phó hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Trung Trực, huyện P M, tỉnh Bình Định.

2. Bà Nguyễn Thị Phương Toàn.

Nghề nghiệp: Cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Nơi công tác: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thị trấn B D, huyện P M, tỉnh Bình Định.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Tấn Tiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện PM, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P M, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường-Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P M, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 721/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

Bùi Hoàng N, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2001; nơi sinh huyện H Â, tỉnh Bình Định; nơi cư trú khu phố T T, thị trấn T B H, huyện H Â, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L, sinh năm 1967; con bà Đỗ Thị Thu

H, sinh năm 1972; vợ con chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Trần Quốc M (Tên gọi khác X), sinh ngày 09 tháng 01 năm 2003; nơi sinh huyện H Â, tỉnh Bình Định; nơi cư trú thôn T T 2, xã Â T, huyện H Â, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Sáng, sinh năm 1983; con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; vợ con chưa có; tiền án: không; tiền sự: Vào ngày 17 tháng 4 năm 2019 bị Công an huyện H Â, tỉnh Bình Định ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản" theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC ngày 17 tháng 4 năm 2019; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17 tháng 10 năm 2020; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định trong một vụ án khác; có mặt.

Phạm Nhất T, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2002; nơi sinh huyện H Â, tỉnh Bình Định; nơi cư trú khu phố G C 2, thị trấn T B H, huyện H Â, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp không. trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quyết T, sinh năm 1972; con bà Trần Thị M, sinh năm 1976; vợ con chưa có; tiền án: không; tiền sự: Vào ngày 14 tháng 6 năm 2019 bị Công an huyện A L, tỉnh Bình Định ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 375.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-XPVPHC ngày 14 tháng 6 năm 2019; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17 tháng 10 năm 2020; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định trong một vụ án khác; có mặt.

Trần Quang K, sinh ngày 07 tháng 01 năm 2003; nơi sinh huyện H Â, tỉnh Bình Định; nơi cư trú khu phố T T, thị trấn T B H, huyện H Â, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang K, sinh năm 1982; con bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1982; vợ con chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Quốc M*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966; nghề nghiệp không; trú tại thôn T T 2, xã A T, huyện H Â, tỉnh Bình Định là bà nội của bị cáo Trần Quốc M đại diện theo pháp luật; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Nhất T:* Ông Phạm Quyết T, sinh năm 1972; nghề nghiệp thợ hồ và bà Trần Thị M, sinh năm 1976; nghề nghiệp công nhân; đồng trú tại khu phố G C 2, thị trấn T B H, huyện H Â, tỉnh Bình Định là cha, mẹ của bị cáo Phạm Nhất T đại diện theo pháp luật; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Quang K:* Ông Trần Quang K, sinh năm 1982; nghề nghiệp làm nông và bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1982 nghề nghiệp; làm nông; đồng trú tại khu phố T T, thị trấn T B H, huyện H Â, tỉnh Bình Định là cha, mẹ của bị cáo Trần Quang K đại diện theo pháp luật; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Hoàng Nh:* Ông Lê Minh T-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định; vắng mặt nhưng đã gửi Luận cứ bào chữa cho bị cáo Bùi Hoàng N.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc M:* Ông Lê Thành S-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Nhất T:* Ông Lâm Thanh T-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Quang K:* Ông Lê Thành T-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị hại:*

Bà Bùi Thị P, sinh năm 1962; trú tại thôn T Đ, xã M T, huyện P M, tỉnh Bình Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Trương Quang Đ, sinh năm 1980; trú tại thôn Tr H, xã M Tr, huyện P M, tỉnh Bình Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Trần Minh T, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2004; trú tại khu phố G C 1, thị trấn T B H, huyện H Â, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh Thường: Ông Trần Văn T, sinh năm 1975; trú tại khu phố G C 1, thị trấn T B H, huyện H Â, tỉnh Bình Định là cha của Trần Minh T đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 11 tháng 7 năm 2019, các bị cáo Phạm Nhất T, Trần Quốc M đến nhà của bị cáo Bùi Hoàng N chơi. Trong lúc đang ngồi nói chuyện chơi thì bị cáo Bùi Hoàng N rủ bị cáo Trần Quốc M đi trộm cắp xe mô tô mang về làm phương tiện đi lại thì bị cáo Trần Quốc M đồng ý nên bị cáo Trần Quốc M rủ bị cáo Phạm Nhất T tham gia thì bị cáo Phạm Nhất T cũng đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo Bùi Hoàng N điều khiển xe mô tô của mình chở các bị cáo Trần Quốc M, Phạm Nhất T đi từ nhà của bị cáo Bùi Hoàng N đến xã M T, huyện P M, tỉnh Bình Định để trộm cắp xe mô tô. Trong lúc đi dạo tìm tại các tuyến đường bê tông ở xã M T, huyện P M, các bị cáo phát hiện nhà bà Bùi Thị P, địa chỉ thôn T Đ, xã M T, huyện P M không có cửa cổng, bên trong sân có dựng xe mô tô biển số 77X8-7153, trên xe có gắn chìa khóa điện, nên các bị cáo dừng lại. Các bị cáo Bùi Hoàng N, Phạm Nhất T đứng bên ngoài cảnh giới còn bị cáo Trần Quốc M đi vào dắt xe mô tô ra đường bê tông. Các bị cáo

Trần Quốc M, Bùi Hoàng N, Phạm Nhất T điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được chạy về lại huyện H Â để làm phương tiện đi lại. Đến ngày 15 tháng 7 năm 2019, bị cáo Bùi Hoàng N đang sử dụng xe mô tô nói trên nhưng vi phạm Luật giao thông nên bị Cảnh sát giao thông Công an huyện Hoài Ân tạm giữ. Công an huyện H Â bàn giao xe mô tô nói trên cho Công an huyện P M giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vào tối ngày 18 tháng 7 năm 2019, các bị cáo Trần Quang K, Phạm Nhất T, Trần Quốc M cùng với Trần Minh T đến nhà bị cáo Bùi Hoàng N chơi. Các bị cáo cùng với Trần Minh T tổ chức uống rượu tại nhà của bị cáo Bùi Hoàng N. Trong lúc uống rượu thì bị cáo Trần Quang K mệt nên vào bên trong nhà của bị cáo Bùi Hoàng N ngủ. Lúc này bị cáo Bùi Hoàng N rủ các bị cáo Trần Quốc M, Phạm Nhất T và Trần Minh T đi trộm cắp xe mô tô thì tất cả đồng ý. Sau khi đồng ý, bị cáo Phạm Nhất T rủ bị cáo Trần Quang K tham gia thì bị cáo Trần Quang K cũng đồng ý. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, các bị cáo cùng với Trần Minh T đi trên 02 xe mô tô của bị cáo Trần Quang K và Trần Minh T đến xã M T, huyện P M để trộm cắp xe mô tô. Các bị cáo và Trần Minh T thấy nhà anh Trương Quang Đ, địa chỉ thôn T H, xã M T, huyện P M ở sát bên đường ĐT 631 nhưng nhà không có tường rào, cổng ngõ, bên trong sân có dựng xe mô tô biển số 77F3- 9266, trên xe có gắn chìa khóa điện, nên các bị cáo và Trần Minh T dừng lại. Các bị cáo Bùi Hoàng N, Phạm Nhất T, Trần Quang K cùng với Trần Minh T đứng bên ngoài cảnh giới còn bị cáo Trần Quốc M lén lút đi vào dắt xe mô tô ra đường bê tông rồi điều khiển xe chở bị cáo Phạm Nhất T về lại nhà của bị cáo Bùi Hoàng N cất giấu. Sau đó bị cáo Trần Quốc M sử dụng xe mô tô nói trên làm phương tiện đi lại cho đến khi bị Công an huyện H Â thu giữ trong quá trình điều tra một vụ án trộm cắp tài sản khác. Công an huyện H Â bàn giao xe mô tô trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P M điều tra theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá số 15/KL-HĐĐG ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P M, tỉnh Bình Định kết luận xe mô tô biển số 77X8-7153 của bà Bùi Thị P có giá trị 1.800.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 16/KL-HĐĐG ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P M, tỉnh Bình Định kết luận xe mô tô biển số 77F3-9266 của anh Trương Quang Đ có giá trị 2.300.000 đồng.

Cáo trạng số 09/CT-VKSPM ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P M, tỉnh Bình Định truy tố các bị cáo Bùi Hoàng Nh, Trần Quốc M, Phạm Nhất T, Trần Quang K về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện P M, tỉnh Bình Định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P M, tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 31 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Bùi Hoàng N với mức hình phạt từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Quốc M với mức hình phạt từ 12 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Phạm Nhất T với mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Quang K với mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Ông Lê Minh T bào chữa cho bị cáo Bùi Hoàng N nêu luận cứ bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Bùi Hoàng N với mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù.

Ông Lê Thành S bào chữa cho bị cáo Trần Quốc M nêu luận cứ bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Quốc M với mức hình phạt từ 09 đến 12 tháng tù.

Ông Lê Thành T bào chữa cho bị cáo Trần Quang K nêu luận cứ bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Quang K với mức hình phạt từ 03 đến 06 tháng tù.

Bị cáo Bùi Hoàng N nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi của bị cáo, bị cáo xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo Trần Quốc M nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi của bị cáo, bị cáo không dám tái phạm, xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Nhất T nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi của bị cáo, bị cáo không dám tái phạm, lần này là lần cuối cùng bị cáo phạm tội, xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Quang K nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi của bị cáo, bị cáo không dám tái phạm, xin Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P M, tỉnh Bình Định; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện P M, tỉnh Bình Định; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P M, tỉnh Bình Định tại phiên tòa căn cứ vào các chứng cứ mà Cơ quan điều tra Công an huyện P M, tỉnh Bình Định đã thu thập và đã được kiểm tra tại phiên tòa để xác định với mục đích trộm cắp tài sản xe mô tô để có phương tiện đi lại nên ngày 11 tháng 7 năm 2019, các bị cáo Bùi Hoàng N**,** Trần Quốc M, Phạm Nhất T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xe mô tô biển số 77X8-7153 của bà Bùi Thị P có giá trị 1.800.000 đồng. Ngày 18 tháng 7 năm 2019, các bị cáo Bùi Hoàng N**,** Trần Quốc M, Phạm Nhất T, Trần Quang K cùng với Trần Minh T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xe mô tô biển số 77F3-9266 của anh Trương Quang Đ có giá trị 2.300.000 đồng.

[3] Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không tranh luận gì với Kiểm sát viên và cũng không đưa ra chứng cứ nào để bào chữa cho hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo đều thừa nhận do muốn có phương tiện đi lại nên bị cáo Bùi Hoàng N đã rủ và cùng với các bị cáo Trần Quốc M, Phạm Nhất T, Trần Quang K và Trần Minh T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P M đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có nghĩa vụ liên quan và phù hợp với những chứng cứ đã thu thập nên lời khai nhận tội của các bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người có khả năng nhận thức được hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và nhận thức được hậu quả của hành vi đó sẽ gây thiệt hại đến tài sản của người khác. Nhận thức được như vậy nhưng vì các bị cáo muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để dùng làm phương tiện sử dụng nên các bị cáo thực hiện hành vi lén lút trộm cắp các tài sản thuộc quyền sở hữu của những người bị hại. Các bị cáo Bùi Hoàng N, Trần Quốc M, Phạm Nhất T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xe mô tô biển số 77X8-7153 của bà Bùi Thị P có giá trị 1.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo

Trần Quốc M thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng ngày 17 tháng 4 năm 2019 bị cáo Trần Quốc M đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi của bị cáo Trần Quốc M đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với các bị cáo Bùi Hoàng N, Trần Quốc M, Phạm Nhất T, Trần Quang K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xe mô tô biển số 77F3-9266 của anh Trương Quang Đ có giá trị 2.300.000 đồng nên hành vi của các bị cáo Bùi Hoàng N, Trần Quốc M, Phạm Nhất T, Trần Quang K đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến tài sản của công dân mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[6] Xét vai trò và tính nguy hiểm của các bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều là những người đồng thực hành nhưng hành vi của bị cáo Bùi Hoàng N nguy hiểm hơn so với các bị cáo còn lại; cụ thể, bị cáo Bùi Hoàng N là người thành niên nhưng đã rủ rê, xúi giục các bị cáo Trần Quốc M, Phạm Nhất T, Trần Quang K và Trần Minh T là những người dưới 18 tuổi phạm tội, đồng thời bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo Trần Quốc M nguy hiểm hơn so với các bị cáo Phạm Nhất T, Trần Quang K; cụ thể, sau khi nghe bị cáo Bùi Hoàng N rủ đi trộm cắp xe mô tô thì bị cáo đồng ý và chính bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp các xe mô tô của những người bị hại. Hành vi của bị cáo Phạm Nhất T nguy hiểm hơn so với bị cáo Trần Quang K; cụ thể bị cáo Phạm Nhất T rủ rê bị cáo Trần Quang K thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo Trần Quang K ít nguy hiểm hơn so với các bị cáo Bùi Hoàng N, Trần Quốc M, Phạm Nhất T; bị cáo Trần Quang K chỉ thực hiện hành vi phạm tội một lần với vai trò không đáng kể.

[7] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Bùi Hoàng N phạm tội có một tình tiết tăng nặng là xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Trần Quốc M phạm tội có một tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo còn lại phạm tội nhưng không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo đều có những tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo Trần Quốc M, Phạm Nhất T, Trần Quang K thực hiện hành vi phạm tội dưới 18 tuổi, nên khi áp dụng hình phạt Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

[8] Quyết định hình phạt đối với các bị cáo: Với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng,

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo hình phạt tù có thời hạn với mục đích giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Hình phạt đối với bị cáo Bùi Hoàng N nghiêm khắc hơn so với các bị cáo còn lại. Hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc M nghiêm khắc hơn so với bị cáo Phạm Nhất T và Trần Quang K. Hình phạt đối với bị cáo Phạm Nhất T nghiêm khắc hơn so với bị cáo Trần Quang K.

[9] Về tổng hợp hình phạt: Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

[10] Xét về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ngày 02 tháng 01 năm 2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P M đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô biển số 77X8-7153 cho bà Bùi Thị P và trả lại xe mô tô biển số 77F3-9266 cho anh Trương Quang Đ. Bà Bùi Thị P và anh Trương Quang Đ không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

[11] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng", nhưng xét thấy bị cáo Bùi Hoàng N không có nghề nghiệp ổn định; các bị cáo còn lại đều là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Xét về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Bùi Hoàng N, Trần Quốc M, Phạm Nhất T, Trần Quang K mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[13]Đối với Trần Minh T đã cùng với các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xe mô tô 77F3-9266 của anh Trương Quang Đ có giá trị 2.300.000 đồng, tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản Trần Minh T mới 15 năm 01 tháng 18 ngày tuổi nên Trần Minh T chưa đủ tuổi để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp tài sản trên. Đối với các bị cáo Bùi Hoàng N, Phạm Nhất T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xe mô tô 77X8-7153 của bà Bùi Thị P có giá trị 1.800.000 đồng không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Ngày 12 tháng 01 năm 2020 Trưởng Công an huyện P M đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Minh T, Bùi Hoàng N và Phạm Nhất T là có căn cứ.

[14] Luận cứ bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo Trần Quốc M, Trần Quang K về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo trên phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử. Về hình phạt mà người bào chữa cho các bị cáo Bùi Hoàng N, Phạm Nhất đề nghị áp dụng đối với các bị cáo trên không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Hoàng N, Trần Quốc M, Phạm Nhất T, Trần Quang K đều phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Bùi Hoàng N 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù của bản án số 14/2020/HSPT ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Buộc bị cáo Bùi Hoàng N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Bùi Hoàng Nhi bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 91; Điều 101; Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Quốc M 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 27 (Hai mươi bảy) tháng tù của bản án số 14/2020/HSPT ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Buộc bị cáo Trần Quốc M phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Trần Quốc M bị bắt tạm giam là ngày 17 tháng 10 năm 2019.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 91; Điều 101; Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Nhất T 07 (Bảy) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 22 (Hai mươi hai) tháng tù của bản án số 14/2020/HSPT ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Buộc bị cáo Phạm Nhất T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 29 (Hai mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Phạm Nhất T bị bắt tạm giam là ngày 17 tháng 10 năm 2019.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 56; Điều 91; Điều 101; Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Quang K 04 (Bốn) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù của bản án số 26/2019/HS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H Â, tỉnh Bình Định. Buộc bị cáo Trần Quang K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Trần Quang Kha bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

6. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại bà Bùi Thị P, anh Trương Quang Đ. Bị hại bà Bùi Thị P, anh Trương Quang Đ không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xét.

7. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

8. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-

UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Bùi Hoàng N, Trần Quốc M, Phạm Nhất T, Trần Quang K mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

9. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo Trần Quốc M, Phạm Nhất T, Trần Quang K; người bào chữa cho các bị cáo Trần Quốc M, Phạm Nhất T, Trần Quang K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 02 tháng 6 năm 2020). Bị hại bà Bùi Thị P, anh Trương Quang Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;
- Công an huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Minh

THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA